

CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở CA-NA-ĐA, TRUNG QUỐC VÀ NHẬT BẢN

*Nguyễn Hải Ninh**

Trong tháng 6 và tháng 7 năm 2007, Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương đã tổ chức Đoàn công tác đi nghiên cứu về công tác cải cách tư pháp tại Ca-na-đa, Trung Quốc và Nhật Bản. Là thành viên của Đoàn công tác, trên cơ sở tài liệu do phía bạn cung cấp, qua tổng hợp ý kiến trực tiếp tại các cuộc làm việc và khai thác thông tin trên internet, chúng tôi xin giới thiệu một số kinh nghiệm về công cuộc cải cách tư pháp ở các quốc gia nói trên.

1. Quan niệm về tư pháp và vị trí của quyền tư pháp trong tổ chức quyền lực nhà nước

Cũng giống như nước ta, Trung Quốc là nước XHCN và thực hiện *nguyên tắc tập quyền XHCN* với cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Đại hội đại biểu nhân dân (tương tự như Quốc hội của Việt Nam). Trong khi đó, Ca-na-đa và Nhật Bản theo thể chế *tam quyền phân lập* với sự đối trọng và phân định quyền lực tương đối rõ ràng giữa lập pháp (Quốc hội gồm hai viện - Thượng Nghị viện và Hạ Nghị viện), hành pháp (Chính phủ) và tư pháp (hệ thống Tòa án). Mặc dù có uy tín rất lớn và ở khía cạnh nhất định, vị Toàn quyền Ca-na-đa và Nhật hoàng của Nhật Bản có tham gia vào việc thực hiện cả ba nhánh quyền lực nhà nước nhưng về thực chất quyền lực của họ chỉ mang tính chất biểu tượng, đại diện cho hình ảnh của đất nước. Như vậy, có thể thấy rằng, xuất phát từ yếu tố thể chế chính trị nên việc tổ chức quyền lực nhà nước, trong đó có quyền tư pháp có sự khác nhau giữa ba quốc gia nói trên. Trong khi quyền tư pháp ở Trung Quốc, giống như các nước theo hệ thống pháp luật XHCN, chưa có vị trí cao do quyền lực nhà nước tập trung vào cơ quan đại diện của

nhân dân thì ở Ca-na-đa và Nhật Bản, quyền tư pháp rất được coi trọng và độc lập so với quyền hành pháp và quyền lập pháp. Đây là điểm khác biệt cơ bản dẫn đến cách tiếp cận và bước đi khác nhau trong quá trình cải cách tư pháp ở mỗi nước.

Ở Ca-na-đa và Nhật Bản, học thuyết Nhà nước pháp quyền được thừa nhận rộng rãi, thuyết tam quyền phân lập tồn tại và phát triển hàng trăm năm nên *khái niệm tư pháp được hiểu theo nghĩa hẹp; nói đến tư pháp là nói đến toà án và thẩm phán*. Các cơ quan khác như cơ quan điều tra, cơ quan công tố, mặc dù độc lập về tính chất công việc, song về cơ cấu tổ chức đều thuộc nhánh hành pháp. Trong khi đó, Trung Quốc đang trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp trị, Hiến pháp Trung Quốc quy định hệ thống tổ chức của Tòa án và Viện kiểm sát độc lập với cơ quan hành pháp và lập pháp. Trung Quốc *tiếp cận khái niệm tư pháp theo nghĩa rộng, bao gồm cả toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan công an, cơ quan an ninh quốc gia và cơ quan hành chính tư pháp*; tuy nhiên, vai trò trung tâm của toà án và thẩm phán đã được khẳng định trong mối quan hệ với các cơ quan tư pháp khác. Như vậy, có thể thấy, dù có cách tiếp cận khác nhau nhưng nhìn chung, *khi đề cập tới khái niệm tư pháp thì điểm cốt lõi chính là toà án và thẩm phán*. Vấn đề này cũng khẳng định việc Chiến lược cải cách tư pháp ở Việt Nam coi toà án là trung tâm của hệ thống tư pháp, cải cách xét xử là khâu trọng tâm của nhiệm vụ cải cách tư pháp là hoàn toàn phù hợp với tư duy và cách tiếp cận về tư pháp trên thế giới.

2. Mục đích, cách thức và nội dung cải cách tư pháp

Mặc dù nền tư pháp ở các nước bạn đã có lịch sử phát triển lâu dài và đạt được những kết quả quan trọng song tất cả các

* Thạc sĩ Luật học, Văn phòng Trung ương Đảng

nước đều xác định nghiên cứu để tiếp tục cải cách tư pháp vẫn là một yêu cầu thiết thực nhằm xây dựng nền tư pháp trong sạch, độc lập, hoạt động có hiệu quả, phục vụ sự phát triển chung của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá.

* Ca-na-đa không chủ trương tiến hành một “công cuộc cải cách tư pháp” trong một thời hạn nhất định mà xác định việc cải cách toà án và các cơ quan tư pháp có liên quan là một quá trình lâu dài. Giáo sư Richard F. Devlin của Đại học Dalhousie nhấn mạnh rằng, do tính chất đặc thù của tư pháp, nên việc cải cách tư pháp không thể nóng vội và cần phải được tiến hành thận trọng, theo hướng tiệm tiến dần dần chứ không theo “liệu pháp sốc”. Tiếp cận “tư pháp” theo khái niệm hẹp nên mục đích của cải cách tư pháp ở Ca-na-đa là *tăng cường và bảo đảm tính độc lập của hệ thống toà án*. Để đạt được mục đích này, các biện pháp cải cách tư pháp được thực hiện đồng bộ nhưng tập trung vào ba nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Thứ nhất, *thực hiện việc bổ nhiệm không thời hạn đối với thẩm phán*: thẩm phán ở Ca-na-đa được bổ nhiệm trong số các luật gia đã hành nghề ít nhất là 10 năm, bổ nhiệm không có thời hạn và làm việc đến 75 tuổi. Thẩm phán chỉ bị bãi nhiệm khi có những vi phạm nghiêm trọng.

- Thứ hai, *cải cách chế độ lương của thẩm phán*: thẩm phán ở Ca-na-đa được trả lương rất cao, gấp hai lần so với công chức hành chính. Trung bình thẩm phán Toà án tối cao được trả lương 299.800 đô la Ca-na-đa/năm; thẩm phán Toà án cấp bang và liên bang được trả lương từ 252.000 đến 276.200 đô la Ca-na-đa/năm. Cứ 4 năm một lần, Văn phòng cao uỷ viên về các vấn đề tư pháp liên bang rà soát chế độ tiền lương của thẩm phán để xem liệu lương của thẩm phán có bị thấp đi do trượt giá, lạm phát...; từ đó, kiến nghị với Nghị viện. Chính phủ có sự điều chỉnh phù hợp.

- Thứ ba, *bảo đảm việc quản lý hành chính của toà án được tách ra khỏi công việc xét xử của thẩm phán*: Các thẩm phán chỉ tập

trung vào việc xét xử, mọi việc khác liên quan đến hành chính của toà như: vấn đề xét nâng lương, công tác cán bộ, công tác quản trị, dịch vụ hành chính đối với đương sự... do một bộ phận thuộc Bộ Tư pháp và Tổng Chương lý phụ trách. Toà án liên bang cũng như các toà án của bang không phụ trách công việc hành chính của toà án.

Qua nhiều năm tiến hành cải cách, hiện nay, hệ thống toà án Ca-na-đa được bảo đảm tính độc lập nhờ thực hiện tốt ba yếu tố nêu trên. Thẩm phán ở Ca-na-đa luôn được tạo những điều kiện tốt nhất để thực thi công việc của mình và không phải bận tâm về bất kỳ điều gì ngoài việc xét xử. Bên cạnh đó, đã là thẩm phán thì không được phép tham gia bất kỳ đảng phái chính trị nào. Do vậy, toà án và thẩm phán luôn độc lập với các nhánh lập pháp, hành pháp và không chịu áp lực chính trị từ bất kỳ đảng phái nào. Các thẩm phán được tôn vinh, được coi là những người ưu tú nhất trong đội ngũ công chức.

Cũng giống như ở Ca-na-đa, hệ thống toà án và thẩm phán ở Nhật Bản rất được coi trọng. Địa vị xã hội của thẩm phán rất cao, lương của thẩm phán là cao nhất so với lương của các công chức hưởng từ ngân sách. Song, mục đích cải cách tư pháp ở Nhật Bản được tiếp cận theo cách thông qua đánh giá của nhân dân đối với hệ thống tư pháp. Giáo sư Morishima, một chuyên gia về pháp luật của Nhật Bản đã có thời gian dài công tác ở Việt Nam, cho rằng, dù cải cách tư pháp được tiến hành với những cách thức khác nhau thì kết quả của nó phải được đo bằng “niềm tin của công chúng đối với công lý, với toà án và thẩm phán”. Khi nào công chúng tin tưởng tuyệt đối vào hệ thống toà án, vào chính từng thẩm phán thì khi đó cải cách tư pháp thành công; nói cách khác, mục đích của cải cách tư pháp ở Nhật Bản là để *tạo dựng niềm tin của công chúng về tính nghiêm minh của toà án*.

* Lịch sử cải cách tư pháp ở Nhật Bản đã trải qua ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất là từ năm 1886 đến thời điểm Chiến tranh thế giới lần thứ hai, giai đoạn thứ hai từ sau Chiến

tranh thế giới thứ 2 cho đến năm 1990 và giai đoạn thứ ba từ năm 1991 đến nay. Ở giai đoạn thứ nhất, thời điểm bắt đầu công cuộc cải cách tư pháp gắn với cuộc cải cách Minh Trị, xây dựng nền kinh tế thị trường và khi đó, hệ thống tư pháp Nhật Bản học tập nhiều từ hệ thống Luật lục địa với mô hình tố tụng xét hỏi. Ở giai đoạn cải cách thứ hai, Nhật Bản học tập theo hệ thống tư pháp của Mỹ với mô hình tố tụng tranh tụng, đề cao vai trò của luật sư bào chữa và tranh tụng tại toà án. Năm 1999, Nhật Bản thành lập Hội đồng cải cách hệ thống tư pháp gồm 13 thành viên, trong đó có cả những cá nhân là các nhà khoa học hoặc chuyên gia pháp luật giỏi. Điều lưu ý là, dù coi khái niệm tư pháp theo nghĩa hẹp là toà án nhưng do để cải cách toà án thì phải cải cách cả các thiết chế liên quan nên Nhật Bản không gọi là “cải cách tư pháp” mà gọi là “cải cách hệ thống tư pháp”. Hiện nay, Nhật Bản đang trong giai đoạn thứ ba của công cuộc cải cách hệ thống tư pháp.

Về nội dung cải cách hệ thống tư pháp hiện nay, Nhật Bản cho rằng cần phải dựa trên ba trụ cột sau:

- Thứ nhất, *cần tăng cường các điều kiện để hệ thống tư pháp trở nên dễ tiếp cận, dễ hiểu và dễ sử dụng đối với công chúng*. Một số thành công bước đầu là đã sửa đổi Bộ luật Tố tụng Dân sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, thành lập Toà án cao cấp về sở hữu trí tuệ và đặc biệt là việc thành lập Trung tâm hỗ trợ pháp lý Nhật Bản nhằm cung cấp thông tin pháp lý về giải quyết tranh chấp cũng như thông tin về các dịch vụ pháp lý đối với công chúng.

- Thứ hai, *phát triển nguồn nhân lực hỗ trợ cho hệ thống tư pháp*. Theo đó, các trường đào tạo về pháp luật đã được thành lập. Dựa trên sự liên kết cơ bản giữa các trường đại học, kỳ thi tư pháp quốc gia và việc đào tạo pháp luật, Nhật Bản mong muốn có được số lượng lớn cán bộ có chức danh tư pháp với trình độ giỏi để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cải cách hệ thống tư pháp.

- Thứ ba, *tăng cường sự tham gia của nhân dân vào hoạt động tư pháp*. Vào năm

2009, hệ thống Saiban-in (gần giống như chế độ hội thẩm nhân dân của Việt Nam) sẽ chính thức có hiệu lực. Khi đó, nhân dân sẽ tham gia vào một số phiên toà hình sự để quyết định việc định tội và hình phạt cùng với các thẩm phán chuyên nghiệp. Mục đích của cải cách này nhằm phản ánh ý nguyện của công chúng trong các phán quyết của toà án, khiến các bản án được toàn diện hơn, gần gũi hơn với công chúng và qua đó cũng nhằm tăng cường niềm tin của công chúng đối với hệ thống toà án.

* Trong khi đó, công cuộc cải cách tư pháp ở Trung Quốc được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, do Uỷ ban Chính pháp điều hành. Đại hội đại biểu lần thứ XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp năm 2002 đã đưa ra yêu cầu “*chế độ tư pháp XHCN cần phải bảo đảm thực hiện công bằng và chính nghĩa trong toàn xã hội*”. Qua hơn một năm điều tra nghiên cứu và luận chứng, Tiểu ban lãnh đạo cải cách thể chế tư pháp đã báo cáo và được sự phê chuẩn của Trung ương Đảng về đề cương cải cách tư pháp. Theo đó, có 35 nhiệm vụ ở 10 mảng công việc, rút gọn lại với 6 nội dung lớn:

- Thứ nhất, *kiện toàn và hoàn thiện thể chế tư pháp theo yêu cầu của tư pháp công bằng, nghiêm minh và thi hành đúng pháp luật*. Chủ yếu có bảy nội dung: *một là*, cải cách và hoàn thiện thể chế cưỡng chế thi hành các vụ án dân sự, hành chính, giải quyết thiết thực vấn đề khó thi hành; *hai là*, bên trong toà án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân thực hiện chế độ quản lý tách rời công tác hành chính tư pháp với nghiệp vụ xét xử, kiểm sát; *ba là*, cải cách chế độ cải tạo lao động hiện hành thành chế độ uốn nắn giáo dục hành vi vi phạm pháp luật; *bốn là*, thúc đẩy cải cách thể chế trại giam một cách tích cực, vững chắc, hoàn thiện thể chế thi hành hình phạt; *năm là*, cải cách thể chế giám định tư pháp, quy phạm hoạt động giám định tư pháp; *sáu là*, cải cách và hoàn thiện chế định luật sư; *bảy là*, cải cách thể chế quản lý về quan hệ của cơ quan công an, kiểm sát, toà án đối với các cơ quan, doanh

ngiệp, đưa vào hệ thống quản lý tư pháp nhà nước theo hướng tư pháp tạo môi trường tốt cho doanh nghiệp phát triển.

- Thứ hai, *cải cách và hoàn thiện chế độ tố tụng, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của công dân và pháp nhân*. Chủ yếu có 5 nội dung: *một là*, cải cách chế độ xét duyệt án tử hình, thống nhất thu hồi lại quyền xét duyệt một phần các vụ án tử hình vốn trước kia giao xuống cho toà án nhân dân cấp tỉnh thực hiện về để Toà án nhân dân tối cao thực hiện; *hai là*, cải cách chế độ giám sát xét xử các vụ án dân sự, hành chính, tập trung giải quyết tốt các vụ án dân sự, hành chính có khiếu kiện khó khăn, bức xúc; *ba là*, cải cách và hoàn thiện chế độ tư pháp người vị thành niên; *bốn là*, xây dựng và hoàn thiện chế độ công tác tạm giam, ngăn ngừa việc tạm giam quá thời hạn đối với người bị tình nghi phạm tội; *năm là*, xây dựng chế độ cơ quan tư pháp khi ra văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật phải đưa lên ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc thẩm tra.

- Thứ ba, *thực hiện yêu cầu của tư pháp vì dân, giải quyết có hiệu quả vấn đề quần chúng nhân dân khiếu kiện bức xúc, kéo dài*. Chủ yếu có hai nội dung: *một là*, cải cách và hoàn thiện cơ chế làm việc của toà án nhân dân cơ sở, tạo thuận tiện cho đương sự tham gia tố tụng; *hai là*, cải cách và hoàn thiện chế độ thu phí tố tụng, hoàn thiện chế độ thu phí luật sư, đẩy mạnh công tác hỗ trợ tư pháp, giảm nhẹ gánh nặng chi phí tố tụng của nhân dân.

- Thứ tư, *coi tăng cường công tác kiểm sát làm trọng điểm, cải cách và hoàn thiện thể chế kiểm sát tư pháp của viện kiểm sát*. Chủ yếu là cải cách và hoàn thiện chế định kiểm sát để nâng cao hiệu quả hoạt động của viện kiểm sát nhân dân đối với hoạt động tố tụng, phát hiện làm rõ hành vi làm sai chức trách, nhiệm vụ của nhân viên tư pháp, điều tra phạm tội chức vụ... Đồng thời, triển khai thí điểm chế độ kiểm sát viên nhân dân, bảo đảm cơ quan kiểm sát thực hiện đúng chức năng quyền hạn, phát huy tốt hơn chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật.

- Thứ năm, *cải cách và hoàn thiện thể chế quản lý cán bộ tư pháp, nâng cao chất lượng của đội ngũ tư pháp*. Chủ yếu có năm nội dung: *một là*, tăng cường thiết thực sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp; *hai là*, cải cách và hoàn thiện thể chế quản lý cán bộ tư pháp và cơ chế làm việc, thực hiện quản lý theo pháp luật, quản lý theo quy phạm; *ba là*, thực hiện phân loại quản lý đối với nhân viên công tác của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, lập ra ngạch, bậc chức vụ thẩm phán, kiểm sát viên riêng; *bốn là*, cải cách chế độ lựa chọn, đề bạt sử dụng thẩm phán, kiểm sát viên nhiệm kỳ đầu; thẩm phán, kiểm sát viên nhiệm kỳ đầu cần lựa chọn tuyển dụng trong những người đã qua được kỳ thi tư pháp thống nhất của nhà nước; *năm là*, thực hiện phân loại quản lý đối với nhân viên công tác của cơ quan công an, cơ quan an ninh quốc gia, đồng thời thực hiện các chế độ tiền lương, phúc lợi, nghỉ hưu, tử tuất, bảo hiểm y tế tương ứng đối với cán bộ tư pháp.

- Thứ sáu, *cải cách và hoàn thiện cơ chế bảo đảm kinh phí tư pháp, tăng cường bảo đảm tư pháp*. Yêu cầu các tỉnh, thành phố, khu tự trị căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đề ra tiêu chuẩn bảo đảm cơ bản kinh phí của các cơ quan tư pháp cấp huyện, đối với những trường hợp do ngân sách khó khăn không đạt tới tiêu chuẩn bảo đảm cơ bản thì do ngân sách cấp tỉnh và trung ương hỗ trợ. Đồng thời, đẩy mạnh chi chuyển dịch ngân sách trung ương, bảo đảm để cơ quan tư pháp “hường ngân sách nhà nước”, tránh tư pháp bất công do động cơ lợi ích cục bộ dẫn tới.

Trung Quốc cho rằng, cải cách tư pháp cần thực hiện theo nguyên tắc “chính pháp vì đại cục”, trong đó đại cục là phát triển xã hội hài hoà, phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Theo nguyên tắc này, cải cách tư pháp phải phục vụ cho nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế, vì muốn thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhanh, có hiệu quả thì cần phải ổn định xã hội. Cải cách tư pháp góp phần cung cấp một môi trường đầu tư tốt để thu

hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tạo cho nền kinh tế có tốc độ phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả.

Với những mục tiêu và nhiệm vụ như trên, Trung Quốc đang tiến hành theo phương châm **“kiên trì, tuân tự từng bước, không nôn nóng thành công, không lý tưởng hoá”**. Trung Quốc cho đây là con đường cơ bản bảo đảm cái cách được thúc đẩy một cách tích cực, ổn thoả. Cái cách thể chế tư pháp là một công trình hệ thống xã hội phức tạp, một biện pháp cải cách ra đời có thể sẽ có ảnh hưởng sâu sắc đối với xã hội, chính trị, kinh tế. Cần thống nhất mức độ cải cách, tốc độ phát triển và khả năng có thể chịu đựng của xã hội lại với nhau, nhằm làm cho biện pháp cải cách đưa ra thích ứng với sự phát triển kinh tế xã hội, việc xây dựng nền chính trị dân chủ và tổ chức ý thức pháp luật của công dân của Trung Quốc.

Như vậy, qua tìm hiểu về mục đích, cách thức và nội dung cải cách tư pháp ở Ca-na-đa, Nhật Bản và Trung Quốc cho thấy, *cải cách tư pháp là công việc hết sức khó khăn, phức tạp và cần được tiến hành thận trọng, theo từng bước đi cụ thể, không thể nôn nóng; cải cách tư pháp có thể được tiếp cận theo nhiều cách khác nhau nhưng kết quả cuối cùng phải được đánh giá bằng niềm tin của nhân dân đối với tính nghiêm minh của công lý.*

3. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống toà án

3.1. Hệ thống Toà án của Ca-na-đa

Hệ thống toà án của Ca-na-đa được tổ chức theo cấp liên bang và cấp bang. Ở cấp liên bang, có Toà án tối cao và Toà án phúc thẩm liên bang; ngoài ra còn Toà án phúc thẩm quân sự liên bang và Toà án thuế Ca-na-đa. Ở cấp bang và vùng lãnh thổ, dù tên gọi có khác nhau, song đều được tổ chức thành toà án sơ thẩm bang/vùng lãnh thổ, Toà án cấp cao của bang/vùng lãnh thổ và Toà án phúc thẩm của bang/vùng lãnh thổ.

Ở cấp liên bang:

- Toà án tối cao Ca-na-đa là toà án có thẩm quyền cao nhất của Ca-na-đa. Toà án tối cao có thẩm quyền giải quyết mọi tranh chấp liên quan đến lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính và cả hiến pháp. Toà án tối cao gồm 01 Chánh án và 8 thẩm phán, được bổ nhiệm bởi chính quyền liên bang. Luật về Toà án tối cao của Ca-na-đa quy định ít nhất có 3 thẩm phán của bang Quebec. Sáu thẩm phán còn lại, theo truyền thống, có 3 thẩm phán là người của bang Ontario, 2 thẩm phán thuộc vùng phía Tây Ca-na-đa và một thẩm phán là người thuộc các bang phía Đại Tây Dương. Việc thụ lý vụ việc để giải quyết ở Toà án tối cao được xem xét bởi ba thẩm phán và những thẩm phán này có quyền thụ lý hoặc từ chối thụ lý vụ việc mà không cần đưa ra bất kỳ lý do nào đối với quyết định của họ. Toà án tối cao Ca-na-đa mỗi năm nhận được đơn kiến nghị xem xét từ 500 - 600 vụ nhưng chỉ thụ lý khoảng 90 - 100 vụ. Thông thường, những vụ việc do Toà án tối cao thụ lý là những vấn đề do Thủ tướng hoặc Quốc hội chuyển đến, những vụ án đặc biệt nghiêm trọng và những vụ án do người dân gửi đơn yêu cầu thụ lý có kèm theo đề nghị của Quốc hội. Ngoài việc xét xử, Toà án tối cao còn đóng vai trò đặc biệt quan trọng như là một cố vấn của chính quyền liên bang. Chính quyền liên bang có thể đề nghị Toà án tối cao xem xét những vấn đề quan trọng về pháp luật và chứng cứ, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến việc giải thích Hiến pháp. Những bản án của Toà án tối cao ban hành được coi là những án lệ, là nguồn của hệ thống pháp luật, là sự bổ sung và điều chỉnh đối với những hành vi xã hội chưa được điều chỉnh bởi văn bản pháp luật.

- Toà án phúc thẩm liên bang có 14 thẩm phán, có nhiệm vụ xử phúc thẩm những vụ sơ thẩm từ Toà án sơ thẩm liên bang và Toà án thuế liên bang; xem xét lại các quyết định, lệnh và hành vi hành chính của các hội đồng, ủy ban cấp liên bang, cơ quan tài phán hành chính liên bang.

- Toà án sơ thẩm liên bang xét xử và quyết định những tranh chấp pháp lý này

sinh ở phạm vi cấp liên bang, bao gồm cả những khiếu nại đối với Chính phủ liên bang, các vụ kiện dân sự thuộc phạm vi liên bang và những khiếu nại về quyết định của các cơ quan tài phán liên bang.

- Toà án thuế Ca-na-đa là toà án sơ thẩm cấp cao xét xử những vụ cá nhân hoặc các công ty khiếu kiện với Chính phủ về các vấn đề liên quan đến thuế thu nhập, hàng hoá, thuế dịch vụ hoặc vấn đề bảo hiểm người lao động... Toà án thuế Ca-na-đa có trụ sở chính tại Ottawa và ba văn phòng tại Montreal, Toronto và Vancouver.

- Toà án phúc thẩm quân sự liên bang có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm những vụ án sơ thẩm của các toà án sơ thẩm quân sự.

Ở cấp bang/vùng lãnh thổ:

- Toà án sơ thẩm bang/vùng lãnh thổ: Mỗi bang và vùng lãnh thổ, ngoại trừ vùng lãnh thổ Nunavut, đều có một toà án sơ thẩm bang/vùng lãnh thổ. Toà án này giải quyết hầu hết các vụ hình sự, các vụ việc về hôn nhân gia đình (ngoại trừ việc ly hôn), các vụ tội phạm vị thành niên (từ 12 - 17 tuổi), các vụ tội phạm về giao thông và các vụ việc dân sự.

- Toà án cấp cao bang/vùng lãnh thổ: Mỗi bang và vùng lãnh thổ đều có các toà án cấp cao. Dù tên gọi ở mỗi bang/vùng lãnh thổ có khác nhau song toà án cấp cao đều có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đối với mọi vụ việc ngoại trừ những vụ việc đã bị hạn chế thuộc thẩm quyền thụ lý và xét xử ở cấp toà án khác. Các toà án cấp cao thường xét xử các vụ hình sự và dân sự đặc biệt nghiêm trọng, bao gồm cả các vụ về ly hôn và các vụ liên quan đến tranh chấp tài sản lớn (quy định về tài sản lớn ở mỗi bang/vùng lãnh thổ là khác nhau, ví dụ ở bang British Columbia là những vụ có tài sản lớn hơn 25.000 đô la Ca-na-đa). Tuy nhiên, toà án cấp cao bang/vùng lãnh thổ cũng đóng vai trò là toà án phúc thẩm đầu tiên đối với những bang/vùng lãnh thổ duy trì "hệ thống xét xử ưu tiên". Mặc dù các toà án cấp cao được quản lý hành chính bởi chính quyền bang và vùng lãnh thổ nhưng thẩm phán của toà án

cấp cao bang/vùng lãnh thổ được bổ nhiệm và trả lương bởi chính quyền liên bang.

Phiên toà xét xử ở Ca-na-đa không có hội thẩm nhân dân như ở Việt Nam nhưng lại có hình thức xét xử bằng bồi thẩm đoàn. Theo Hiến chương Ca-na-đa về các quyền và tự do của công dân thì những công dân bị cáo buộc phạm tội hình sự nghiêm trọng nhất đều có quyền lựa chọn hình thức xét xử bằng bồi thẩm đoàn hoặc bằng một thẩm phán. Bồi thẩm đoàn là một nhóm người, được chọn từ cộng đồng, có quyền đánh giá chứng cứ của một vụ việc sau khi đã nghe tranh tụng tại phiên toà và nghe một thẩm phán giải trình về mặt pháp lý của vụ việc. Sau đó, bồi thẩm đoàn đưa ra quyết định bị cáo có phạm tội hay không phạm tội dựa vào đánh giá của họ. Tuy nhiên, việc ra bản án với mức án cụ thể thì lại thuộc thẩm quyền của thẩm phán. Việc xét xử bằng bồi thẩm đoàn cũng có giá trị trong một vài vụ kiện dân sự, nhưng trên thực tế rất hiếm được lựa chọn.

Một điểm lưu ý là Toà án Ca-na-đa chỉ tập trung chủ yếu vào chức năng xét xử; chức năng quản lý hành chính toà án được giao cho một cơ quan độc lập. Trong quá trình cải cách tư pháp, ngày 2/07/2003, Cơ quan quản lý hành chính toà án (cấp liên bang) đã được thành lập theo Đạo luật về Cơ quan quản lý hành chính toà án, trên cơ sở hợp nhất cơ quan đăng ký của Toà án sơ thẩm liên bang và Toà án thuế Ca-na-đa. Theo đó, cơ quan này sẽ chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ hành chính cho 4 toà án cấp liên bang là: Toà phúc thẩm liên bang, Toà sơ thẩm liên bang, Toà án thuế Ca-na-đa và Toà án phúc thẩm quân sự liên bang. Đây là nỗ lực của Ca-na-đa nhằm tăng cường tính độc lập của Toà án và nâng cao hiệu quả sử dụng các dịch vụ hành chính cho toà án.

3.2. Hệ thống toà án ở Nhật Bản

Hệ thống toà án ở Nhật Bản gồm có Toà án tối cao, các toà án cấp cao, các toà án cấp quận và toà án gia đình, các toà án rút gọn. Điều khác biệt so với nhiều nước có 2 cấp xét xử: sơ thẩm và phúc thẩm thì ở Nhật Bản quy trình tố tụng theo 3 cấp (tam thẩm): sơ thẩm,

phúc thẩm đệ nhất cấp (phúc thẩm lần 1) và phúc thẩm đệ nhị cấp (phúc thẩm lần 2).

- Tòa án tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của Nhật Bản, gồm 1 Chánh án và 14 thẩm phán. Tuổi nghỉ hưu của thẩm phán Tòa án tối cao là 70 tuổi. Tòa án tối cao thực hiện thẩm quyền xét xử phúc thẩm đệ nhất cấp (phúc thẩm Kokoku) và xét xử phúc thẩm đệ nhị cấp (phúc thẩm Jokoku). Bên cạnh đó, Tòa án tối cao có thẩm quyền đầu tiên và cuối cùng trong giải quyết vụ việc liên quan đến việc tố cáo uỷ viên của Hội đồng nhân sự quốc gia.

Toà án tối cao xét xử phúc thẩm Jokoku đối với những trường hợp sau: i) đơn kháng cáo chống lại phán quyết sơ thẩm hoặc phúc thẩm lần 1 của tòa án cấp cao; ii) đơn kháng cáo chống lại bản án sơ thẩm của tòa án cấp quận hoặc tòa án gia đình, hoặc một bản án sơ thẩm hình sự lần 1 của tòa án rút gọn; iii) đơn kháng cáo gửi tới tòa án cấp cao và được chuyển tới Tòa án tối cao vì một lý do đặc biệt; iv) đơn kháng cáo đặc biệt chống lại bản án dân sự của một tòa án cấp cao nếu như tòa án này là cấp xét xử thứ 3; và v) một đơn kháng cáo đặc biệt của chính Tổng Công tố chống lại một phán quyết cuối cùng của một vụ án hình sự.

Đơn kháng cáo Kokoku tới Tòa án tối cao được chấp thuận thụ lý trong các trường hợp sau: i) đơn kháng cáo chống lại quyết định của tòa án trong một vụ dân sự/một vụ hôn nhân gia đình trên cơ sở cho rằng quyết định này vi phạm Hiến pháp hoặc với sự đồng tình của tòa án cấp cao khi cho rằng quyết định này liên quan đến sự hiểu sai luật/ng nghị định; ii) đơn kháng cáo đặc biệt chống lại bản án hình sự mà trong trường hợp đó không có kháng cáo thông thường nào được quy định trong bộ luật tố tụng hình sự và một kháng cáo chống lại một bản án phúc thẩm trong vụ án về vị thành niên phạm tội trên cơ sở cho rằng bản án đó vi phạm Hiến pháp hoặc do mâu thuẫn với một tiền lệ pháp luật (án lệ).

Trong các vụ dân sự và hành chính, đơn kháng cáo Jokoku gửi Tòa án tối cao cũng có

thể chỉ dựa trên lập luận cho rằng có sự vi phạm Hiến pháp và có sự vi phạm nghiêm trọng các quy định về thủ tục tố tụng của tòa án cấp dưới đã được liệt kê trong Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc trường hợp kháng cáo Jokoku. Tuy nhiên, Tòa án tối cao có thể chấp nhận một vụ việc khi họ cho rằng vụ việc này liên quan đến những vấn đề quan trọng về sự hiểu nhầm nội dung văn bản luật/ng nghị định, như trường hợp tòa án xử sơ thẩm Jokoku dựa trên một đơn kiến nghị. Trong các vụ hình sự, những căn cứ cho một kháng cáo Jokoku được giới hạn trong phạm vi liên quan đến vi phạm Hiến pháp, sai lầm trong cách hiểu Hiến pháp hoặc trái với tiền lệ pháp luật của Tòa án tối cao hoặc trái với án lệ của tòa cấp cao trong trường hợp Tòa án tối cao chưa từng có án lệ về vụ việc tương tự. Tòa án tối cao cũng có thể chấp thuận một vụ việc dựa vào đơn kiến nghị khi tòa án cho rằng vụ việc này liên quan đến vấn đề cách hiểu của luật/ng nghị định như một tòa án sơ thẩm Jokoku.

Việc xét xử và ra phán quyết của Tòa án tối cao do 15 thẩm phán cùng quyết định (đối với những vụ xử tại Phòng xử lớn) và do 5 thẩm phán cùng quyết định (đối với những vụ xử tại Phòng xử nhỏ).

Quyết định của Tòa án tối cao được thông qua và ban hành khi có ít nhất là 9 thẩm phán trong Phòng xử lớn và ít nhất là 3 thẩm phán trong Phòng xử nhỏ đồng ý biểu quyết thông qua.

Để giúp Chánh án và các thẩm phán trong công việc xét xử, có một số lượng nhất định các nhân viên, cán bộ nghiên cứu xét xử trong Tòa án tối cao

Bên cạnh chức năng xét xử, Tòa án tối cao còn có thẩm quyền ban hành các nguyên tắc, quy chế và có thẩm quyền cao nhất đối với quản lý hành chính tòa án. Hội nghị Tòa án gồm 15 thẩm phán dưới sự chủ trì của Chánh án tòa án tối cao đưa ra những quyết định đối với việc thực hiện chức năng quản lý tòa án. Hội nghị này được tổ chức để xem xét và quyết định những vấn đề liên quan

đến thẩm quyền ban hành nguyên tắc, quy chế và quản lý hành chính toà án.

Về thẩm quyền ban hành nguyên tắc, quy chế, Toà án tối cao có thể tạo lập những nguyên tắc trong thủ tục xét xử, những vấn đề liên quan đến luật sư tập sự, những quy định nội bộ của toà án, và những quy định về quản lý hành chính toà án. Đối với những vấn đề quan trọng, Toà án tối cao yêu cầu Ủy ban tư vấn về ban hành nguyên tắc (gồm các thẩm phán, công tố viên, luật sư tập sự, chuyên gia pháp luật và các học giả) báo cáo và xem xét, chấp thuận hay không chấp thuận báo cáo đó.

Đối với vấn đề ngân sách cho toà án, Toà án tối cao, dựa trên nghị quyết của Hội nghị toà án, sẽ trực tiếp trình bản dự trù ngân sách hàng năm cho Nội các. Nếu Nội các cắt giảm khoản dự trù này thì Toà án tối cao có quyền đề nghị Chính phủ tăng lên khoản bị cắt giảm. Còn trong trường hợp Chính phủ vẫn không đồng tình thì đưa lên Quốc hội yêu cầu điều chỉnh phân bổ ngân sách.

Để thực hiện các vấn đề hành chính toà án, trong Toà án tối cao có Văn phòng Tổng Thư ký, Viện nghiên cứu và đào tạo pháp luật, Viện nghiên cứu và đào tạo cán bộ toà án, Thư viện Toà án tối cao. Những nhân viên quan trọng của Văn phòng Tổng thư ký được tuyển chọn trong số các thẩm phán của toà án cấp thấp hơn với sự đồng tình của họ.

Tuy thế, Toà án tối cao vẫn quản lý toàn bộ hệ thống toà án, bảo đảm độc lập xét xử, không chịu bất kỳ sự can thiệp nào của nhánh quyền lực hành pháp và lập pháp.

- Toà án cấp cao được đặt ở 8 thành phố lớn nhất Nhật Bản: Tokyo, Osaka, Nagoya, Hiroshima, Fukuoka, Sendai, Sapporo và Takamasu. Mỗi toà án cấp cao có thẩm quyền xét xử trong phạm vi 8 khu vực của đất nước Nhật Bản (cả nước được chia thành 8 khu vực, tuy nhiên "khu vực" không phải là 1 cấp hành chính). Một vài toà án cấp cao có những chi nhánh. Trên toàn nước Nhật có 6 chi nhánh của toà án cấp cao. Bên cạnh đó, tháng 4-2005, Toà án cấp cao về Sở hữu trí tuệ đã được thành lập mới như là một chi

nhánh đặc biệt của Toà án cấp cao Tokyo, với thẩm quyền giải quyết các vụ việc liên quan đến sở hữu trí tuệ. Ngoại trừ Toà án sở hữu trí tuệ thì Toà án cấp cao có thẩm quyền xét xử phúc thẩm những bản án sơ thẩm của toà cấp quận hoặc toà án gia đình và phúc thẩm Kokoku, trừ những vụ việc phúc thẩm Kokoku thuộc thẩm quyền của Toà án tối cao đã được quy định trong các bộ luật tố tụng. Tuy nhiên, ít khi Toà án cấp cao xét xử phúc thẩm các bản án hình sự sơ thẩm của Toà án rút gọn, thông thường Toà án cấp cao chỉ xét xử phúc thẩm Jokoku đối với bản án dân sự của toà án cấp quận.

Bên cạnh đó, toà án cấp cao còn có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đối với những vụ việc hành chính liên quan đến bầu cử, bảo hiểm... Toà án cấp cao Tokyo còn có thẩm quyền thu hồi, huỷ bỏ quyết định của các cơ quan "nửa tư pháp" như Ủy ban về công bằng thương mại.

Toà án cấp cao về Sở hữu trí tuệ giải quyết chuyên biệt về các vụ án liên quan đến sở hữu trí tuệ như xét xử phúc thẩm các vụ việc dân sự về bằng sáng chế, giấy phép độc quyền nhãn hiệu thương mại ở toà cấp quận và phán quyết đối với quyết định của Cơ quan Sáng chế Nhật Bản.

Về nguyên tắc, một vụ việc ở toà án cấp cao được xét xử bởi 3 thẩm phán. Trong một số trường hợp cụ thể được xét xử bởi hội đồng gồm 5 thẩm phán, ví dụ những vụ việc về bảo hiểm, về kỷ luật thẩm phán, huỷ bỏ quyết định của Ủy ban công bằng thương mại.

- Có 50 Toà án cấp quận trên toàn lãnh thổ Nhật Bản, có thẩm quyền xét xử trong địa bàn từng quận tương ứng. Các toà án cấp quận có 203 chi nhánh trên toàn nước Nhật.

Về cơ bản, toà án cấp quận là toà án xét xử sơ thẩm đầu tiên, ngoại trừ những vụ việc đặc biệt thuộc thẩm quyền sơ thẩm của các loại toà án khác. Toà án cấp quận cũng có thẩm quyền xét xử phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm của toà án rút gọn.

Về nguyên tắc, ở toà án cấp quận, vụ việc được giải quyết bởi một thẩm phán,

nhưng có một số vụ việc được yêu cầu phải xét xử bằng hội đồng 3 thẩm phán, như: i) vụ việc được quy định rằng cần phải “xét xử và quyết định bởi hội đồng 3 thẩm phán”; ii) vụ việc mà tội phạm có hình phạt tử hình, phạt tù, hoặc phạt tù có hoặc không có lao động cưỡng bức trong thời gian tối thiểu không ít hơn 01 năm. Tuy nhiên, trong trường hợp ngoại lệ thì áp dụng cả với vụ việc cướp, tội phạm cướp và trộm cắp có tính chuyên nghiệp...; iii) vụ việc phúc thẩm các bản án dân sự sơ thẩm của toà án rút gọn và phúc thẩm Kokoku đối với các quyết định và lệnh của tòa án rút gọn trong các vụ việc dân sự; iv) những vụ việc mà các đạo luật khác, ngoài Luật tổ chức toà án, quy định cần phải có xét xử hội đồng 3 thẩm phán.

- Tòa án gia đình và các chi nhánh của nó được đặt ở cùng địa điểm với tòa án cấp quận và chi nhánh của tòa án cấp quận. Như vậy, trên toàn đất nước Nhật Bản có 50 tòa án gia đình và 203 chi nhánh. Bên cạnh đó, những chi nhánh ở cơ sở của tòa án gia đình được đặt ở địa điểm của 77 tòa án rút gọn.

Toà án gia đình là tòa án đặc biệt giải quyết toàn bộ các vụ việc liên quan đến mối quan hệ nội bộ gia đình và các vụ việc trẻ em vị thành niên. Đây là tòa án đầu tiên có trách nhiệm giải quyết mọi mâu thuẫn và tranh chấp trong nội bộ gia đình và các mối quan hệ nội bộ về pháp lý. Tòa án gia đình thực hiện cả việc hoà giải và việc xét xử. Từ tháng 1-2004, khi Luật về tranh chấp liên quan đến cá nhân có hiệu lực, Tòa án gia đình đã bắt đầu giải quyết tranh chấp liên quan đến mối quan hệ giữa con cái, bố mẹ và trẻ em...

Phiên xử tại Tòa án gia đình do một thẩm phán hoặc hội đồng gồm 3 thẩm phán tùy vào từng trường hợp cụ thể.

- Tòa án rút gọn: Có 438 tòa án rút gọn trên khắp đất nước Nhật Bản. Tòa án rút gọn có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đối với các vụ việc dân sự liên quan tới tranh chấp mà tài sản tranh chấp không vượt quá 1.400.000 yên và những vụ án hình sự nhỏ mà hình phạt chỉ là phạt tiền hoặc hình phạt nhẹ, phạm tội trộm cắp nhỏ hoặc tham ô nhỏ.

Nhìn chung, Tòa án rút gọn không thể áp đặt hình phạt tù hoặc các hình phạt khác nghiêm khắc hơn. Tuy nhiên, tòa án rút gọn có thể áp dụng hình phạt cải tạo lao động với thời hạn không quá 3 năm. Khi tòa án rút gọn cho rằng hình phạt thích hợp quá giới hạn trên thì họ phải chuyển vụ việc tới tòa án cấp quận.

Tất cả các vụ việc ở tòa án rút gọn được giải quyết bởi 01 thẩm phán.

3.3. Hệ thống toà án ở Trung Quốc

Toà án nhân dân ở Trung Quốc lập ra 4 cấp theo cấp hành chính gồm Toà án nhân dân tối cao, Toà án nhân dân cao cấp tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương), Toà án nhân dân trung cấp địa khu (thành phố) và Toà án nhân dân cơ sở huyện (quận).

Toà án nhân dân các cấp do Đại hội đại biểu nhân dân cùng cấp bầu ra và chịu trách nhiệm trước đại hội đại biểu nhân dân cùng cấp. Trung Quốc còn đặt ra một số toà án nhân dân chuyên trách, ví dụ như toà án đường sắt, toà án hàng hải... Giữa toà án nhân dân cấp trên và cấp dưới là quan hệ giám đốc xét xử. Chức trách chủ yếu của toà án nhân dân là: thực hiện quyền xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính theo quy định của Hiến pháp và pháp luật của nhà nước, thực hiện quyền thi hành các bản án dân sự, vụ án hành chính và một phần dân sự trong vụ án hình sự. Toà án nhân dân thực hiện quyền xét xử một cách độc lập theo pháp luật, không chịu sự can thiệp của cơ quan hành chính, đoàn thể xã hội và cá nhân.

Hiện nay, cũng giống như hệ thống toà án ở Việt Nam, Toà án nhân dân tối cao của Trung Quốc cũng quản lý các toà án địa phương về mặt tổ chức. Tuy nhiên, trong Đề cương cải cách tư pháp của Trung Quốc cũng khẳng định một trong những nội dung cải cách tư pháp là “thực hiện chế độ quản lý tách rời công tác hành chính tư pháp với nghiệp vụ xét xử bên trong toà án nhân dân”.

Như vậy, có thể thấy rằng, dù ở mỗi quốc gia có cách tổ chức hệ thống toà án khác nhau nhưng tất cả đều hướng tới việc tăng cường và bảo đảm tính độc lập của toà

án. Để thực hiện việc này cần phải thực hiện nhiều biện pháp, nhưng trước hết cần phân biệt và tách bạch chức năng xét xử với chức năng hành chính tòa án. Theo đó, cần nhận thức rõ chức năng xét xử là chức năng chính của tòa án, chức năng hành chính tư pháp là chức năng phụ nhằm bảo đảm cho việc thực hiện chức năng chính có hiệu quả tốt nhất. Ca-na-đa đã giao cho nhiều cơ quan khác nhau như Bộ Tư pháp, cơ quan Tổng Chương lý và Văn phòng cao uỷ viên các vấn đề tư pháp liên bang phụ trách vấn đề hành chính tòa án, với tổ chức không thuộc cơ cấu của tòa án. Ở Nhật Bản, Tòa án tối cao vẫn thực hiện cả hai chức năng nhưng vấn đề hành chính tư pháp do Hội nghị tòa án quyết định; Chánh án Tòa án tối cao khi đó là người chủ trì Hội nghị tòa án chứ không phải là người quyết định mọi công việc hành chính tòa án với tư cách thủ trưởng đơn vị. Do vậy, dù thuộc cơ cấu Tòa án tối cao nhưng bộ phận phụ trách công việc hành chính tòa án hàng ngày không phụ thuộc vào sự chỉ đạo của các thẩm phán Tòa án tối cao, vẫn bảo đảm được sự độc lập của công việc xét xử. Ở Trung Quốc, hiện nay cũng tương đối giống Việt Nam khi chưa tách bạch rõ ràng hai nhiệm vụ: xét xử và hành chính tòa án, nhưng trong kế hoạch, họ đã đặt ra việc thực hiện vấn đề này.

4. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan tư pháp có liên quan

4.1. Cơ quan điều tra, công tố, thi hành án và cảnh sát tư pháp Ca-na-đa

- *Cơ quan điều tra:* ở Ca-na-đa có Bộ An toàn công cộng với thẩm quyền rộng. Cơ quan cảnh sát hoàng gia Ca-na-đa là một bộ phận thuộc Bộ An toàn công cộng. Đứng đầu cơ quan cảnh sát hoàng gia Ca-na-đa là Tổng Tư lệnh; tổng số nhân viên của cơ quan này là 24.641 người (tính đến 01/01/2007). Cơ quan cảnh sát hoàng gia Ca-na-đa cung cấp dịch vụ cảnh sát tới mọi người dân trên lãnh thổ Ca-na-đa, ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cảnh sát với 3 vùng lãnh thổ, 8 bang (trừ Ontario và Quebec), 200 thành phố, 165

cộng đồng người bản địa, 3 sân bay quốc tế và nhiều sân bay nhỏ hơn. Cũng với địa bàn hoạt động như vậy, cơ quan điều tra của Ca-na-đa là một bộ phận thuộc Cơ quan cảnh sát hoàng gia Ca-na-đa. Về tổ chức thì phụ thuộc nhưng về nhiệm vụ thì cơ quan điều tra hoàn toàn độc lập với các bộ phận khác thuộc Cơ quan cảnh sát hoàng gia và cũng độc lập với cơ quan công tố liên bang. Trên thực tế, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra thường xin ý kiến tư vấn của cơ quan công tố liên bang.

- *Văn phòng Giám đốc công tố liên bang:* Để tăng cường tính minh bạch, độc lập của công tác truy tố đối với ảnh hưởng của Tổng Chương lý đồng thời là Bộ trưởng Bộ Tư pháp, ngày 12/12/2006, Văn phòng Giám đốc công tố liên bang được thành lập theo Đạo luật về Trách nhiệm giải trình liên bang. Tiền thân của cơ quan này là Cơ quan công tố liên bang trực thuộc Bộ Tư pháp và Tổng Chương lý. Hiện nay, Văn phòng Giám đốc công tố liên bang không trực thuộc Bộ Tư pháp, có thẩm quyền truy tố tội phạm thuộc thẩm quyền liên bang và Giám đốc công tố liên bang có quyền quyết định cuối cùng việc có truy tố hay không, trừ khi Tổng Chương lý có đề nghị bằng văn bản khác với quyết định của Giám đốc công tố liên bang. Đây cũng là một trong những bước cải cách tư pháp ở Ca-na-đa dựa trên cơ sở mô hình hiệu quả của cơ quan công tố tương tự đã có ở bang British Columbia, Nova Scotia và Quebec. Trên thực tế, Tổng Chương lý tập trung hơn vào vai trò cố vấn trưởng pháp luật của Chính phủ, còn quyền truy tố được chuyển giao cho Giám đốc công tố liên bang. Hàng năm, Giám đốc công tố liên bang phải gửi báo cáo lên cho Tổng Chương lý để ông này báo cáo trước Quốc hội. Ở Ca-na-đa, công tố viên được coi là luật sư hoàng gia (luật sư của Nhà nước) nhằm bảo vệ lợi ích nhà nước, cộng đồng, đối lập với luật sư của bị cáo.

- *Cơ quan thi hành án:* Cơ quan thi hành án hình sự không thuộc Cơ quan cảnh sát hoàng gia Ca-na-đa nhưng cũng là một bộ

phận thuộc Bộ An toàn công cộng. Trong khi đó, trách nhiệm thi hành án dân sự thuộc hoặc Bộ Tổng chương lý hoặc cơ quan cảnh sát bang/vùng lãnh thổ tùy theo từng bang/vùng lãnh thổ.

- *Cảnh sát tư pháp*: ở một số bang/vùng lãnh thổ, cảnh sát tư pháp có nhiệm vụ giữ gìn trật tự phiên tòa, áp giải bị cáo và thực hiện một số quyết định của tòa án liên quan đến quá trình tố tụng và thi hành bản án dân sự; lực lượng này là chuyên trách thuộc Bộ Tư pháp và Tổng chương lý. Trong khi đó, ở một số bang/vùng lãnh thổ khác lại không có lực lượng cảnh sát tư pháp chuyên trách mà cơ quan cảnh sát bang/vùng lãnh thổ đó hoặc Văn phòng cơ quan cảnh sát hoàng gia Ca-na-đa tại địa bàn đó đảm nhận luôn nhiệm vụ của cảnh sát tư pháp.

4.2. Cơ quan điều tra, công tố của Nhật Bản

- Cơ quan điều tra: Luật Cảnh sát trao quyền cho chính phủ thành lập cơ quan cảnh sát ở trung ương để giám sát và quản lý cơ quan cảnh sát các khu vực đối với những vấn đề liên quan đến phạm vi quốc gia. Ở Nhật Bản, Hội đồng An toàn công cộng quốc gia và Cục cảnh sát quốc gia là cơ quan cảnh sát quốc gia. Tuy nhiên, Hội đồng An toàn công cộng quốc gia có thẩm quyền giám sát hành chính đối với Cục cảnh sát quốc gia. Mặc dù Hội đồng trực thuộc thẩm quyền của Thủ tướng nhưng Thủ tướng không được trao quyền để trực tiếp quản lý và ra lệnh đối với Hội đồng. Điều này bảo đảm tính độc lập và trung lập của cơ quan cảnh sát. Nhiệm vụ của Hội đồng là ban hành những quy định, chính sách cơ bản, điều phối việc quản lý cảnh sát ở tầm quốc gia, định ra những tiêu chuẩn chung về đào tạo, truyền thông, nhận dạng tội phạm, thống kê tội phạm và trang thiết bị cảnh sát. Hội đồng bổ nhiệm Tổng Tư lệnh của Cục cảnh sát quốc gia và các quan chức cảnh sát cao cấp của các tổ chức cảnh sát khu vực. Hội đồng không trực tiếp giám sát các cơ quan cảnh sát khu vực mà thông qua Cục cảnh sát quốc gia. Hội đồng gồm chủ tịch và 5 thành viên. Chủ tịch Hội

đồng là Bộ trưởng nhà nước; các thành viên được Thủ tướng bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 5 năm trên cơ sở sự chấp thuận của viện thuộc Quốc hội.

Đứng đầu Cục cảnh sát quốc gia là Tổng Tư lệnh do Hội đồng An toàn công cộng quốc gia bổ nhiệm trên cơ sở sự chấp thuận của Thủ tướng. Tổng Tư lệnh, dưới sự giám sát hành chính của Hội đồng, có quyền quản lý hoạt động của Cục cảnh sát quốc gia; bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân viên của Cục; giám sát và quản lý các cơ quan cảnh sát ở các khu vực theo quy định.

Cơ quan điều tra của Nhật Bản là một bộ phận thuộc Cục cảnh sát quốc gia. Ở các cơ quan cảnh sát khu vực cũng có bộ phận điều tra trực thuộc.

- Hệ thống công tố: Được thiết lập tương ứng với hệ thống tòa án, gồm có: Văn phòng Công tố tối cao được đặt ở thủ đô Tokyo; 8 văn phòng công tố cấp cao và 6 chi nhánh của Văn phòng công tố cấp cao; 50 văn phòng công tố cấp quận và 203 chi nhánh của văn phòng công tố cấp quận; 438 văn phòng công tố cơ sở.

Tổng công tố, người đứng đầu Văn phòng công tố tối cao có nhiệm vụ quản lý và giám sát tất cả nhân viên của hệ thống văn phòng công tố trong cả nước. Trưởng công tố cấp cao có quyền quản lý và giám sát tất cả nhân viên thuộc văn phòng công tố cấp cao cũng như văn phòng công tố cấp quận và cấp cơ sở thuộc địa bàn thẩm quyền của mình. Trưởng công tố cấp quận có quyền quản lý và giám sát tất cả nhân viên thuộc văn phòng công tố cấp quận cũng như văn phòng công tố cơ sở thuộc địa bàn thẩm quyền của ông ta. Tuy nhiên, từng công tố viên được trao quyền hoạt động độc lập thực thi chức năng công tố, như: việc quyết định truy tố hay không truy tố đối với một vụ việc thụ lý, trình bày chứng cứ, tranh luận tại tòa án...

Văn phòng công tố thực hiện các nhiệm vụ: (i) điều tra các vụ việc do cảnh sát gửi tới, các vụ việc nhận được trên cơ sở việc khiếu nại trực tiếp và những tố cáo buộc tội của công dân, các vụ việc được chấp nhận

bởi công tố viên; sau đó, họ quyết định truy tố hoặc không truy tố. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt, mặc dù có đủ dấu hiệu phạm tội nhưng công tố viên có quyền không truy tố một vụ việc sau khi đã xem xét toàn diện đến yếu tố tuổi tác, tính cách, vị trí của đương sự, tính nghiêm trọng của hành vi phạm tội và bối cảnh của vụ việc; (ii) bảo vệ, chứng minh việc truy tố một vụ án tại toà án là đúng và yêu cầu toà án ra một phán quyết phù hợp hơn trong vụ việc đó; (iii) quản lý và giám sát việc thi hành hình phạt và iv) thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Trên thực tế các nhân viên trợ lý công tố viên sẽ tiến hành điều tra tội phạm, bắt giữ người phạm tội, lựa chọn biện pháp xử lý và các công việc liên quan đến công tác hành chính công tố theo sự giám sát của công tố viên.

Ở Nhật Bản, công tố viên cũng có thẩm quyền điều tra. Công tố viên có quyền đánh giá kết quả điều tra của cảnh sát nhưng không có quyền can thiệp vào kết luận điều tra của cảnh sát và cũng không có việc trả hồ sơ lại cho cảnh sát để điều tra bổ sung. Luật của Nhật Bản quy định về nguyên tắc công tố viên có quyền điều tra mọi vụ việc nhưng trên thực tế Tổng công tố quy định rõ những loại vụ nào công tố viên điều tra (như những vụ liên quan đến hối lộ...).

Hệ thống văn phòng công tố trực thuộc hệ thống của Bộ Tư pháp; Văn phòng công tố tối cao là cơ cấu tổ chức đặc biệt thuộc Bộ Tư pháp nhưng trong khi thực hiện nhiệm vụ thì tương đối độc lập. Bộ trưởng Bộ Tư pháp là thành viên Nội các chịu trách nhiệm về hoạt động của cả hệ thống công tố, điều hoà chung, chỉ ra các nguyên tắc chung. Nhưng Bộ trưởng Bộ Tư pháp lại không có quyền chỉ đạo trực tiếp đối với các Trưởng công tố cấp dưới. Ví dụ cụ thể: Bộ trưởng Bộ Tư pháp có quyền ra Chỉ thị về việc “trấn áp tội phạm” nhưng đối với các vụ việc cụ thể như ra lệnh điều tra, truy tố... thì Bộ trưởng Tư pháp không có quyền mà quyền đó thuộc Tổng công tố. Nội các bổ nhiệm Tổng công

tố và các Phó tổng công tố; Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm các công tố viên.

4.3. Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan công an, an ninh quốc gia và hành chính tư pháp của Trung Quốc

- *Viện kiểm sát nhân dân*: là cơ quan kiểm sát pháp luật của nhà nước. Bố trí cơ cấu tương ứng với toà án nhân dân, cũng là do Đại hội đại biểu nhân dân cùng cấp bầu ra và chịu trách nhiệm trước Đại hội đại biểu nhân dân cùng cấp. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên lãnh đạo công tác của viện kiểm sát nhân dân cấp dưới. Chức trách chủ yếu là: thay mặt nhà nước thực hiện quyền công tố đối với các vụ án hình sự, tiến hành điều tra đối với các vụ án hình sự như tham ô, hối lộ, thiếu tinh thần trách nhiệm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, không thực hiện đúng công vụ, tiến hành giám sát đối với hành vi thi hành pháp luật của cơ quan tư pháp, đưa ra kháng nghị theo pháp luật đối với phán quyết có hiệu lực các vụ án hình sự, dân sự, hành chính của toà án nhân dân mà rõ ràng có sai sót... Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền kiểm sát một cách độc lập theo pháp luật, không chịu sự can thiệp của cơ quan hành chính, đoàn thể xã hội và cá nhân.

- *Cơ quan công an*: là lực lượng hành chính trị an và tư pháp hình sự nhà nước có tính chất vũ trang. Cơ quan công an là cơ quan chức năng chủ quản công tác công an toàn quốc của Quốc vụ viện. Các tỉnh, khu tự trị lập sở công an, các thành phố trực thuộc trung ương lập cục công an, trực tiếp chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy, chính quyền cùng cấp và cơ quan công an cấp trên. Chức trách chủ yếu là: Giữ gìn trị an xã hội; phòng ngừa và điều tra các hoạt động phạm tội trái pháp luật; quản lý giao thông, phòng cháy chữa cháy, các chất nguy hiểm; quản lý hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân, công tác xuất nhập cảnh; phòng ngừa, tấn công các hoạt động khủng bố...

- *Cơ quan an ninh quốc gia*: thực hiện điều tra, bắt giam, thẩm vấn cũng như các chức trách quyền hạn khác mà luật pháp quy

(Xem tiếp trang 83)